

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: /TTr- UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

DỰ THẢO 5 (06.10.25)

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi
đối với một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp thực hiện
trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi đối với một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2025, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 4 Luật Lâm nghiệp năm 2017:

“Điều 4. Chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp

1. Nhà nước có chính sách đầu tư và huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động lâm nghiệp gắn liền, đồng bộ với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ”

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58/2024/NĐ-CP về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, trong đó có quy định các chính sách về nội dung cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và mức khoán bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng; cấp kinh phí khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng; Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng; Cấp kinh phí khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ; Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng; Hỗ trợ khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên; Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ; Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; Hỗ trợ trồng cây phân tán. Đồng thời tại Tại khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP quy định: “Hội đồng

nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 quyết định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương”;

Mặt khác, sau khi rà soát cho thấy mức chi cho cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và mức khoán bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ còn thấp so với mức thu nhập chung trên địa bàn, cụ thể:

- Về mức khoán bảo vệ rừng: đối với các cá nhân, hộ gia đình với mức khoán 500.000 đ/ha thì tiền công từ khoán bảo vệ rừng cho các cá nhân, hộ gia đình là rất thấp (với cá nhân là 7.500.000đ/người/năm (500.000đ x 15ha) và với hộ gia đình là 15.000.000đ/hộ (500.000 đ x 30ha)), trong khi đó tại các diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng của Hà Nội gần như không có các nguồn thu khác từ lâm sản ngoài gỗ do chủ yếu là rừng nghèo, rừng trên núi đá nên đối với các hộ gia đình chỉ có 1 nguồn thu từ lâm nghiệp thì mức thu nhập sẽ là mức dưới mức chuẩn nghèo theo quy định (Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025). Mặt khác, với mức 500.000 đ/ha thì không đảm bảo đủ để chi trả công tuần tra bảo vệ rừng theo quy định (7.28 công/ha/năm).

- Về mức cấp kinh phí hàng năm 150.000 đ/ha rừng đặc dụng/năm và 500.000 đ/ha rừng phòng hộ/năm bao gồm cả kinh phí khoán bảo vệ rừng sẽ không đảm bảo các hoạt động bảo vệ rừng, PCCCR và khoán bảo vệ rừng (do hiện nay trên 90% diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng đang thực hiện khoán ổn định từ năm 2008 đến nay; Đồng thời với mức kinh phí này không đủ để chi trả công tuần tra bảo vệ rừng theo quy định (7.28 công/ha/năm).

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 35 về Sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô tại Luật Thủ đô, trong đó Hội đồng nhân dân Thành phố được thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: *“Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đối với các nhiệm vụ chi sử dụng ngân sách Thành phố cao hơn mức quy định hoặc chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của Thủ đô phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Thành phố”*

Vì vậy, để bảo đảm nguồn lực cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, khuyến khích người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng, việc ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi đối với một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2025 là cần thiết trong điều kiện hiện nay.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế kỹ thuật về lâm nghiệp.

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp Thành phố Hà Nội

Theo Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về công bố hiện trạng rừng thành phố Hà Nội năm 2024, thành phố Hà Nội có tổng diện tích có rừng và diện tích chưa thành rừng là: 27.074,53 ha, trong đó diện tích có rừng 18.342,38 ha (Rừng tự nhiên: 7.593,07 ha; rừng trồng: 10.749,31 ha) và diện tích chưa thành rừng: 8.732,15 ha (Diện tích đã trồng rừng chưa đạt tiêu chí thành rừng: 1.022,51 ha; diện tích khoanh nuôi tái sinh: 315,58 ha; diện tích khác: 7.394,06 ha).

Diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng do Thành phố quản lý gồm có: rừng đặc dụng: 3.844,44 ha; rừng phòng hộ: 6.279,1 (không bao gồm diện tích Vườn Quốc gia Ba Vì: 6.440,7ha)

Rừng ở Hà Nội được phân bố trên 25 xã, chủ yếu là rừng trồng, như: Thông, Keo, Bạch đàn... Thực bì dưới tán rừng phát triển mạnh, chủ yếu là các loài thực vật dễ cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng rất cao. Vì vậy công tác bảo vệ rừng và PCCC rừng luôn được lãnh đạo Thành phố, lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo.

Hà Nội hiện có 4.282 chủ rừng, trong đó cụ thể về chủ rừng đối với diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng (gồm diện tích có rừng và diện tích chưa có rừng) do Thành phố quản lý như sau:

TT	Chủ rừng	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng đặc dụng (ha)	Tổng	Ghi chú
				(ha)	
1	Cá nhân, hộ gia đình	227		227	
2	UBND	2.497,20	14,97	2.512,17	
3	Sư đoàn 371	1,94	0	1,94	
4	Cty CP ĐTP TVCGTTT Hà Nội	15,58		15,58	
5	TTNC&CG Giồng cây rừng		203,96	203,96	
6	Trung tâm Cứu hộ DVHD HN	3.374,60	3.497,93	6.872,53	Trong đó, diện tích Trung tâm được giao quản lý là 2.227,59ha và diện tích tiếp nhận từ Ban quản lý rừng phòng hộ Sóc Sơn (trực thuộc UBND huyện Sóc Sơn) là 1.147,01ha
7	Cty Trung Anh	1,33		1,33	
8	Công Ty Hà Phú	6,32		6,32	
9	Cao đẳng Bắc Bộ	2,1		2,1	
10	Trường Đại học Lâm nghiệp	40,19		40,19	
11	XNDV Nông nghiệp	4,86		4,86	
12	Đoàn 285 (K9)		127,58	127,58	
13	Nhà máy J106	8,37		8,37	
14	Trung Đoàn 165	99,44		99,44	
15	Trường trung cấp cảnh sát vũ trang	0,17		0,17	
Tổng		6.279,10	3.844,44	10.123,54	

2.2. Công tác triển khai bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố trong những năm gần đây

2.2.1. Công tác khoán bảo vệ rừng

Căn cứ quy định tại Luật Lâm nghiệp; Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước và tình hình thực tế hàng năm, Thành phố thực hiện giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân đối với 3.384,67 ha diện tích rừng đặc dụng và trên 2.700 ha rừng phòng hộ (kinh phí thực hiện trên 7.000 triệu đồng/năm), cụ thể:

- Hình thức khoán:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ, các hình thức khoán gồm có:

“Điều 5. Hình thức khoán

1. Khoán công việc, dịch vụ

a) Khoán trồng rừng, chăm sóc rừng, bảo vệ rừng đối với diện tích quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất.

b) Khoán sản xuất kinh doanh theo năm hoặc theo thời vụ thu hoạch đối với vườn cây và mặt nước trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

2. Khoán ổn định

a) Khoán khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên theo biện pháp kỹ thuật lâm sinh. Không áp dụng hình thức khoán này trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng.

b) Khoán theo chu kỳ cây trồng, vật nuôi hoặc chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với diện tích rừng trồng, vườn cây, mặt nước thực hiện khoán.”

Căn cứ thực tế các diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng do Trung tâm Cứu hộ động vật được giao quản lý, trong những năm qua đơn vị áp dụng hình thức khoán công việc, cụ thể là thực hiện khoán bảo vệ rừng

- Thời hạn khoán: Theo thỏa thuận giữa bên khoán và bên nhận khoán, nhưng tối đa không quá 01 năm và trong thời hạn bên khoán được nhà nước giao đất, cho thuê đất nông nghiệp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016.

- Hạn mức khoán: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016.

- + Hạn mức khoán cho cá nhân theo thỏa thuận và không quá 15 ha.

- + Hạn mức khoán cho hộ gia đình theo thỏa thuận và không quá 30 ha.

- Đơn giá khoán: Được tính bằng định mức nhân công cho hoạt động tuần tra bảo vệ rừng nhân với đơn giá tiền công vùng tối thiểu, cụ thể:

- + Định mức nhân công cho hoạt động tuần tra bảo vệ rừng: theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (7,28 công và năm và Hệ số điều chỉnh loại rừng $K=1$ đối với rừng trồng, $K=1,05$ đối với rừng tự nhiên.)

- + Đơn giá tiền công tối thiểu vùng được tính theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Trung bình đơn giá khoán bảo vệ rừng các năm qua đối với rừng phòng hộ là từ 1.193.192 đồng đến 1.310.400 đồng và từ 1.097.598 đồng đến 1.193.192 đồng đối với rừng đặc dụng (mức đơn giá thay đổi theo tiền công tối thiểu vùng)

Thông qua công tác khoán bảo vệ rừng đã góp phần huy động, khuyến khích các tổ chức, người dân tại địa phương có rừng tham gia bảo vệ rừng.

2.2.2. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR)

Việc xây dựng phương án PCCCR và thực PCCCR: Hàng năm công tác PCCCR được chủ động triển khai theo đúng quy định. Tại các diện tích rừng trọng điểm như rừng phòng hộ Sóc Sơn và rừng đặc dụng Hương Sơn, kế hoạch

trực PCCCR được lập chi tiết theo tuần, theo tháng và phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng cán bộ và chủ rừng. Việc trực ngoài giờ hành chính cũng được duy trì đều đặn trong các dịp lễ, Tết và trong suốt mùa khô hanh – thời điểm nguy cơ cháy rừng cao, đồng thời lịch trực luân phiên vào cuối tuần cũng được tổ chức để đảm bảo luôn có lực lượng sẵn sàng xử lý các tình huống phát sinh.

Chủ động thực hiện các biện pháp lâm sinh để PCCCR: Giai đoạn 2020–2024, đã thực hiện việc hạ cấp vật liệu dễ cháy trên 315 ha tại các diện tích rừng có nguy cơ xảy ra cháy cao, góp phần quan trọng vào công tác phòng ngừa cháy rừng. Cùng với đó, lực lượng bảo vệ rừng và cán bộ kỹ thuật của các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên được tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, tuần tra, canh gác, đặc biệt trong những thời điểm cao điểm như mùa lễ hội Chùa Hương, lễ hội Đền Sóc và mùa hanh khô.

Đồng thời các trang thiết bị thiết yếu như: quần áo bảo hộ, giày đi rừng, dao găm, cào chữa cháy, bình đựng nước...được chủ động mua sắm và bảo dưỡng; sửa chữa thường xuyên các thiết bị chuyên dụng như máy thổi gió, cưa xích, máy phát điện, máy bơm nước...để sẵn sàng phục vụ công tác tuần tra bảo vệ rừng và PCCCR

Mặc dù đạt nhiều kết quả tích cực, trong giai đoạn 2020–2024 vẫn xảy ra một số vụ cháy rừng và vi phạm khác. Cụ thể, đã xảy ra 76 vụ cháy rừng với tổng diện tích bị ảnh hưởng là 93,04 ha. Tuy nhiên, nhờ sự phát hiện kịp thời của các chủ rừng và sự phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng chữa cháy tại chỗ, thiệt hại đã được hạn chế tối đa. Các vi phạm cũng đều được xử lý kịp thời, đúng quy định, diện tích rừng được bảo vệ phát triển ổn định, hệ sinh thái rừng được duy trì bền vững.

2.2.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về bảo vệ rừng và PCCCR

Công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR được Thành phố coi trọng. Đặc biệt đối với các địa phương có diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng đã tổ chức nhiều hoạt động cụ thể để đẩy mạnh phổ biến nội dung về bảo vệ rừng, PCCCR đến các tầng lớp nhân dân: tổ chức 13 lớp tuyên truyền chuyên đề, 3 buổi thực tập phương án chữa cháy rừng với hơn 1.350 người tham dự; lắp đặt 82 biển cấm, nội quy; phát 19.500 quạt in thông điệp tuyên truyền; thực hiện 8 tin, 4 phóng sự phát thanh trên Đài Mỹ Đức và Sóc Sơn, cũng như phối hợp với Đài PT–TH Hà Nội, Đài VOV Giao thông, Công an TP. Hà Nội và các địa phương xây dựng chuyên mục “An toàn PCCCR”, giới thiệu mô hình liên kết cụm an toàn PCCCR...

Nhìn chung các hình thức tuyên truyền rất đa dạng, phong phú như: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài), tuyên truyền thông qua các hội nghị, hội thảo, tuyên truyền bằng pano, áp phích. Các hoạt động đã tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

(Cụ thể các nội dung chi tại Phụ lục số 01)

2.2.4. Một số tồn tại, hạn chế trong việc triển khai chính sách bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn Thành phố

- Chưa có chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng đối với diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng được giao cho các hộ gia đình, cá nhân, UBND các xã, tổ chức kinh tế và đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn nên trang thiết bị thiết yếu, trang thiết bị chuyên dụng cũng như công tác tuần tra, bảo vệ rừng vẫn còn có nhiều hạn chế.

- Công tác hỗ trợ trong đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng còn chưa được quan tâm triển khai nên kết quả hết sức hạn chế.

- Công tác tuyên truyền về PCCCR, phổ biến về bảo vệ rừng và PCCCR tuy đã được thực hiện nhưng do hạn chế về nguồn lực nên mới tập trung nhiều tại các diện tích rừng do Trung tâm Cứu hộ ĐVHD đang được giao quản lý;

2.3. Định hướng phát triển rừng trong thời gian tới

Rừng Hà Nội có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, có tác dụng giữ nước, điều hòa và duy trì lưu lượng dòng chảy, làm đẹp cảnh quan đồng thời gắn liền với các khu di tích lịch sử cấp quốc gia, danh lam thắng cảnh của cả nước.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 18/02/2022 thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo, trong đó nêu rõ về quan điểm phát triển lâm nghiệp Thủ đô như sau:

“1. Rừng vừa là tài nguyên, vừa là tư liệu sản xuất đặc biệt quan trọng, có khả năng tái tạo, là tài sản, nguồn lực to lớn của đất nước, vừa là yếu tố quan trọng của môi trường sinh thái, góp phần giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học.

Rừng ở Hà Nội có vai trò quan trọng trong việc tạo cảnh quan môi trường sinh thái, là “lá phổi tự nhiên” bảo vệ môi trường sinh thái cho Thủ đô với mật độ dân cư rất lớn; là nơi lưu trữ nguồn tài nguyên động, thực vật phong phú. Mặt khác, rừng ở Hà Nội có giá trị đặc biệt về cảnh quan gắn liền với các khu di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, du lịch lịch sử văn hóa, các lễ hội lớn. Do đó, rừng của Hà Nội rất có ý nghĩa và quan trọng cần được ưu tiên bảo vệ và phát triển bền vững.

2. Phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn Thủ đô trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên rừng hiện có, phát triển thêm về các vùng mới cho phù hợp hài hòa với phát triển đô thị và tăng dân cư; hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường; đưa lâm nghiệp Thủ đô thực sự trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật theo chuỗi liên kết từ phát triển rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng và các loại hình du lịch bền vững gắn với rừng; phát huy hiệu quả của lâm nghiệp đô thị, cảnh quan và phát triển trồng cây lâm nghiệp tập trung, phân tán ngoài các địa phương có diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn để đảm bảo môi trường sinh thái tại các vùng đông dân cư không có diện tích rừng.

3. Thành phố Hà Nội có chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho phát triển lâm nghiệp Thủ đô theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp phù hợp với khả năng ngân sách của Thành phố trong từng thời kỳ; đặc biệt có cơ chế, chính sách phù hợp để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích cho các tổ chức,

cá nhân thuộc mọi Thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư phát triển lâm nghiệp của Thủ đô, trong đó ưu tiên phát triển trồng rừng thâm canh gỗ lớn, trồng rừng tập trung bằng giống cây bản địa, cây có giá trị kinh tế nhiều mặt, các loại cây làm đẹp cảnh quan, môi trường, bảo vệ rừng kết hợp với du lịch sinh thái theo đúng quy định của pháp luật.”

Nhằm tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong những năm qua về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển rừng; góp phần nâng cao đời sống người dân, việc ban hành Nghị quyết Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi đối với một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2025, là phù hợp quy định tại Điều 4 Luật Lâm nghiệp và điểm e khoản 1 Điều 35 Luật Thủ đô và cần thiết trong điều kiện hiện nay.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

a) Quy định cụ thể hoá các nội dung, mức chi đối với một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp đã được quy định tại Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của để thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2025

b) Rà soát, đề xuất mức cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; mức khoán bảo vệ rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố nhằm tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong những năm qua về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển rừng.

c) Góp phần hoàn thành mục tiêu chiến lược phát triển rừng Hà Nội theo hướng du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, phát triển kinh tế lâm nghiệp sản xuất, chế biến gỗ và các sản phẩm ngoài gỗ, hội nhập sâu rộng vào kinh tế toàn cầu và nâng cao đời sống người dân.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Phù hợp chủ trương, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước và Thành phố; bảo đảm tính phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản của Trung ương;

b) Kế thừa những quy định phù hợp, các nội dung quy định phải đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, khắc phục được những hạn chế, bất cập; sửa đổi những quy định không còn phù hợp với thực tế hiện nay;

c) Các nội dung và mức hỗ trợ đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, điều kiện kinh tế - xã và tình hình thực tế bảo vệ, phát triển rừng của thành phố Hà Nội;

d) Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định và thuận lợi trong quá trình triển khai để đạt được các mục tiêu đề ra về phát triển nông nghiệp của Thành phố.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Quá trình đề nghị xây dựng Nghị quyết

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/05/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, trong đó tại khoản 3 Điều 27 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 quyết định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương”;

Thực hiện văn bản số 3882/BNN-LN ngày 30/5/2024 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và văn bản số 6969/VP-KTN ngày 10/6/ 2024 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị định số 58/2024/NĐ-CP; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố về quy định nội dung, mức chi đối với một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2025 và đã có văn bản xin ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết (văn bản số 5794/SNNMT-CS ngày 18/8/2025; Số 5795/SNNMT-CS ngày 18/8/2025, số 5833/SNNMT-CSNN&MT ngày 19/8/2025).

Căn cứ trình tự thực hiện được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo văn bản số 5113/UBND-NC ngày 16/09/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có văn bản sốngày .../10/2025 đề nghị Sở Tư pháp trình UBND Thành phố xem xét, trình thường trực HĐND Thành phố quyết định bổ sung danh mục nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành năm 2025

Ngày.... Sở Tư Pháp đã có văn bản về việc trình UBND Thành phố xem xét, trình thường trực HĐND Thành phố quyết định bổ sung danh mục nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành năm 2025;

Ngày ... UBND Thành phố có văn bản về việc trình thường trực HĐND Thành phố quyết định bổ sung danh mục nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành năm 2025;

Ngày thường trực HĐND có văn bản số.... về việc thống nhất bổ sung danh mục nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành năm 2025;

2. Quá trình xây dựng Nghị quyết

- Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có văn bản số văn bản số 914/SNNMT-CS ngày 04/04/2025; 915/SNNMT-CS ngày 04/04/2025; Số 2642/SNNMT-CS ngày 27/5/2025; Số 5794/SNNMT-CS ngày 18/8/2025; Số 5795/SNNMT-CS ngày 18/8/2025, Số 5833/SNNMT-CSNN&MT ngày 19/8/2025; gửi các sở, ngành Thành phố và UBND các xã có rừng đề xin ý kiến góp ý;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có các Văn bản số 2641/SNNMT-CS ngày 27/5/2025; số 5795/SNNMT-CS ngày 18/8/2025 gửi xin ý kiến Cục Lâm

ng nghiệp và Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề xin ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị quyết;

- Ngày 18/8/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có văn bản số 5796/SNNMT-CS về việc đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Thành phố;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được 02 văn bản góp ý của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; 04 văn bản các sở, ngành và 09/25 xã có rừng. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết.

- Ngày..... Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số

- Ngày....., Sở Tư pháp đã có Báo cáo số thẩm định dự thảo Nghị quyết.

- Ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Báo cáo số/BC-SNNMT về việc tiếp thu, giải trình nội dung thẩm định của Sở Tư pháp.

- Ngày....., Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số.....

- Ngày....., Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Văn bản số xin ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết.

- Ngày, Ủy ban nhân dân Thành phố có Thông báo kết luận sốthống nhất thông qua đề nghị ban hành Nghị quyết và có Tờ trình số trình HĐND Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết.

- Ngày....., Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND Thành phố có Báo cáo thẩm tra số về Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết gồm 7 Điều, trong đó quy định:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Điều 3. Cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

Điều 4. Mức khoán bảo vệ rừng

Điều 5: Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng; Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng; Cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ; Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng; Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên; Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ; Hỗ trợ kinh

phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; Hỗ trợ trồng cây phân tán

Điều 6: Nguồn kinh phí

Điều 7: Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi đối với một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2025.

2.2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.3. Nội dung, mức chi đối với một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2025

Gồm quy định cụ thể nội dung chi và mức chi cho các hoạt động: bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng; Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; Đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ; Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng; Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên; Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ; Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; Hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; Hỗ trợ trồng cây phân tán

2.4. Nguồn kinh phí

Ngân sách Thành phố, nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Có thuyết minh cụ thể về các nội dung đề xuất và dự kiến kinh phí thực hiện Nghị quyết tại các phụ lục kèm theo)

2.5. Tổ chức thực hiện

a) Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

b) Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

c) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và các chính sách hiện hành có liên quan.

d) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

V. CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành Thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết.

VI. THẨM QUYỀN BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại:

- Điểm e khoản 1 Điều 35 Luật Thủ đô về sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô.

- Khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

VII. DỰ KIẾN THỜI GIAN TRÌNH

Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tháng 12 năm 2025

Trên đây là nội dung Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi đối với một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2025, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố, xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP (để báo cáo);
- Các sở: NN&MT; TC; TP;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Quyền

Phụ lục 1.

**Kinh phí triển khai một số hoạt động bảo vệ rừng (trên diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng)
của Thành phố giai đoạn 2021-2025¹**

(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-UBND ngày..../ /2025 của UBND Thành phố)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi theo Điều 5,9 Nghị định 58	2021	2022	2023	2024	2025	Ghi chú
1	Khoán bảo vệ rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại địa phương	5.819.693.000	6.640.620.000	7.139.057.000	7.173.740.000	1.877.000.000	- Chi tiết theo Biểu số 1 - Kinh phí năm 2025 thấp là do đang được tạm cấp 150.000đ/ha đối với rừng đặc dụng và 500.000đ/ha đối với rừng phòng hộ theo NĐ 58
2	Chi phí tiền công cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, thuộc đối tượng không được hưởng lương do ngân sách nhà nước cấp; thuê lao động bảo vệ rừng	0	0	0	0	0	Nội dung công việc này hiện do viên chức của đơn vị thực hiện; Trung tâm không cần thuê thêm lao động bảo vệ rừng
3	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ bảo vệ rừng và các công cụ hỗ trợ, bảo hộ lao động cho lực lượng bảo vệ rừng	521.504.590	140.644.500	715.807.570	623.961.400	203.376.000	

¹ do Ban quản lý rừng Phòng hộ - đặc dụng Thành phố Hà Nội thực hiện

	Trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, bảo hộ lao động ...phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng	431.504.590	140.644.500	499.538.570	545.366.400	123.376.000	Đơn vị luôn chủ động đầu tư, mua sắm đầy đủ trang thiết bị như: quần áo bảo hộ, giày đi rừng, dao quắm, cào chữa cháy, bình đựng nước... để phục vụ công tác tuần tra, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng
	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc trang thiết bị PCCCR	90.000.000	0	216.269.000	78.595.000	80.000.000	Đơn vị thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các thiết bị chuyên dụng như: máy thổi gió, cưa xích, máy phát điện, máy bơm nước...
4	Hỗ trợ các lực lượng tham gia truy quét, tuần tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ rừng; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; tổ chức ký quy ước, cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; hỗ trợ đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng; tuyên truyền giáo dục pháp luật trong cộng đồng dân cư	88.100.000	51.624.182	468.687.800	375.980.000	0	

	<i>Tuyên truyền công tác bảo vệ và PCCC rừng (huyện Sóc Sơn và rừng Hương Sơn)</i>	<i>88.100.000</i>	<i>51.624.182</i>	<i>468.687.800</i>	<i>375.980.000</i>	<i>0</i>	<i>Các hoạt động tuyên truyền đã thực hiện bao gồm: tổ chức 13 lớp tuyên truyền chuyên đề, 3 buổi thực tập phương án chữa cháy rừng với hơn 1.350 người tham dự; lắp đặt 82 biển cấm, nội quy; phát 19.500 quạt in thông điệp tuyên truyền; thực hiện 8 tin, 4 phóng sự phát thanh trên Đài Mỹ Đức và Sóc Sơn. Các hoạt động đã tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.</i>
5	Chi xây dựng phương án phòng cháy và chữa cháy rừng; diễn tập chữa cháy rừng; trực ngoài giờ phòng cháy, chữa cháy rừng trong các tháng mùa khô và chi các hội nghị phục vụ công tác bảo vệ rừng	608.754.000	686.392.000	836.505.000	1.110.047.000	1.100.000.000	
-	<i>Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Đơn vị có xây dựng phương án PCCCR hàng năm nhưng không xây dựng dự toán</i>

-	Trực ngoài giờ phòng cháy chữa cháy	608.754.000	686.392.000	758.105.000	1.049.647.000	1.050.000.000	Trung tâm luôn chủ động xây dựng và cập nhật phương án PCCCR tại các khu rừng trọng điểm như rừng phòng hộ Sóc Sơn và rừng đặc dụng Hương Sơn. Hàng năm, kế hoạch trực PCCCR được lập chi tiết theo tuần, theo tháng, và phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng viên chức. Việc trực ngoài giờ hành chính cũng được duy trì đều đặn trong các dịp lễ, Tết và trong suốt mùa khô hanh – thời điểm nguy cơ cháy rừng cao. Song song đó, lịch trực luân phiên vào cuối tuần cũng được tổ chức để đảm bảo luôn có lực lượng sẵn sàng xử lý các tình huống phát sinh. Giai đoạn 2020–2023, Trung tâm đã chủ động thực hiện việc hạ cấp vật liệu dễ cháy trên 315 ha tại các tuyến đường và điểm có nguy cơ cao, góp phần quan trọng vào công tác phòng ngừa cháy rừng.
-	Chi hội nghị phục vụ công tác bảo vệ rừng	0	0	78.400.000	60.400.000	50.000.000	
6	Hỗ trợ chi phí đi lại, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, họp với cộng đồng dân cư để triển khai hoạt động quy định tại Điều 8 Nghị định 58/2024/NĐ-CP	0	0	12.000.000	12.000.000	20.000.000	Hỗ trợ thôn bản năm 2021, 2022 không thực hiện. Năm 2020 chưa thực hiện hỗ trợ công tác phí

7	Thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp: Giảm vật liệu cháy (Hạ cấp vật liệu cháy)	2.541.093.000	2.688.000.000	6.745.049.065	0	0	Căn cứ điều 39 Luật lâm nghiệp; Điểm a khoản 6 Điều 10 Thông tư số: 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 Năm 2024,2025 không thực hiện Giảm vật liệu cháy do chưa có định mức, đơn giá
8	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng 7% trên tổng kinh phí bảo vệ rừng hàng năm	407.378.510	464.843.400	499.733.990	502.161.800	131.390.000	Hiện đơn vị chỉ chung trong từ nguồn kinh phí tự chủ
Tổng		11.204.881.690	11.550.784.764	18.437.840.795	11.907.878.600	4.635.142.000	

Biểu số 1. Diện tích, đơn giá khoán bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng giai đoạn 2021-2025²
(Kèm theo Phụ lục số 01)

STT	Nội dung	2021		2022		2023		2024		2025	
		PH	ĐD	PH	ĐD	PH	ĐD	PH	ĐD	PH	ĐD
1	Diện tích khoán (ha)	1.460,57	3.416,85	2.363,94	3.384,67	2.439,40	3.384,67	2.465,87	3.384,67	2.738,07	3.386,67
2	Đơn giá (đồng)	1.193.192	1.193.192	1.237.600	1.097.598	1.310.400	1.164.800	1.310.400	1.164.800	500.000	150.000
Kinh phí từng loại rừng		1.742.740.439	4.076.958.085	2.925.612.144	3.715.008.106	3.196.589.760	3.942.463.616	3.231.276.048	3.942.463.616	1.369.000.000	508.000.000
Tổng kinh phí		5.819.693.000		6.640.620.000		7.139.057.000		7.173.740.000		1.877.000.336	

² do Ban quản lý rừng Phòng hộ - đặc dụng Thành phố Hà Nội thực hiện

Phụ lục 2. Dự kiến các nội dung hoạt động bảo vệ rừng thực hiện trong giai đoạn 2026-2030

(trên diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng của Thành phố)³

(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-UBND ngày.../ /2025 của UBND Thành phố)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi theo Điều 5, Điều 9 Nghị định 58/2024/NĐ-CP	2026	2027	2028	2029	2030	Bình quân 1 năm	Ghi chú
1	Khoán bảo vệ rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại địa phương	8.109.406.000	8.486.536.000	8.486.536.000	8.486.536.000	8.486.536.000	8.411.110.000	Chi tiết tại Biểu số 2
2	Chi phí tiền công cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, thuộc đối tượng không được hưởng lương do ngân sách nhà nước cấp; thuê lao động bảo vệ rừng	0	0	0	0	0	0	
3	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ bảo vệ rừng và các công cụ hỗ trợ, bảo hộ lao động cho lực lượng bảo vệ rừng	206.607.000	216.000.000	216.000.000	216.000.000	216.000.000	214.121.400	
	<i>Trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, bảo hộ lao động ...phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng</i>	<i>110.607.000</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>	<i>118.121.400</i>	<i>Đơn vị luôn chủ động đầu tư, mua sắm đầy đủ trang thiết bị như: quần áo bảo hộ, giày đi rừng, dao quắm, cào chữa cháy, bình đựng nước... để phục vụ công tác tuần tra, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng</i>

³ o Ban quản lý rừng Phòng hộ - đặc dụng Thành phố Hà Nội thực hiện

	<i>Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc trang thiết bị PCCCR (máy thổi gió, cửa xích, máy phát điện, máy bơm nước...)</i>	96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000	<i>Định mức và chi phí bảo dưỡng theo catalog của nhà sản xuất và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị</i>
4	Hỗ trợ các lực lượng tham gia truy quét, tuần tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ rừng; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; tổ chức ký quy ước, cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; hỗ trợ đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng; tuyên truyền giáo dục pháp luật trong cộng đồng dân cư	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	
-	<i>Tuyên truyền công tác bảo vệ và PCCC rừng (huyện Sóc Sơn và rừng Hương Sơn)</i>	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	<i>Các hoạt động tuyên truyền dự kiến thực hiện bao gồm: tổ chức các lớp tuyên truyền chuyên đề, lắp đặt các biển cấm, nội quy; thực hiện các bài viết, phóng sự trên báo, đài</i>
5	Chi xây dựng phương án phòng cháy và chữa cháy rừng; diễn tập chữa cháy rừng; trực ngoài giờ phòng cháy, chữa cháy rừng trong các tháng mùa khô và chỉ các hội nghị phục vụ công tác bảo vệ rừng	526.000.000	545.000.000	545.000.000	545.000.000	545.000.000	541.200.000	

-	Trực ngoài giờ phòng cháy chữa cháy	462.000.000	480.000.000	480.000.000	480.000.000	480.000.000	476.400.000	Trung tâm xây dựng kế hoạch và thực hiện trực PCCCR trong 08 tháng mùa khô hàng năm, gồm các tháng: Tháng 01, tháng 02, tháng 03, tháng 04, tháng 5 và tháng 10, tháng 11, tháng 12. Đặc biệt, trong các kỳ nghỉ lễ, tết số lượng học sinh, sinh viên, du khách thập phương đi lễ, du lịch, leo núi, du phượt... tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy rừng cao. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chủ động phòng cháy và huy động nhanh các lực lượng tham gia chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt “quy định thời gian cao điểm xảy ra cháy rừng trong năm và các vùng trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng và bản tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội;
---	-------------------------------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	---

-	Chi hội nghị phục vụ công tác bảo vệ rừng	64.000.000	65.000.000	65.000.000	65.000.000	65.000.000	64.800.000	Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết về công tác BVR và PCCCR hàng năm. Đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại và rút ra bài học kinh nghiệm; Đề ra giải pháp thực hiện hiệu quả công tác PCCCR trong mùa khô tiếp theo...
6	Hỗ trợ chi phí đi lại, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, họp với cộng đồng dân cư để triển khai hoạt động quy định tại Điều 8 Nghị định 58/2024/NĐ-CP	25.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	29.000.000	
7	Thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp: Giảm vật liệu cháy (Hạ cấp vật liệu cháy)	1.101.430.000	1.101.430.000	1.101.430.000	1.101.430.000	1.101.430.000	1.101.430.000	- Căn cứ điều 39 Luật lâm nghiệp; Điểm a khoản 6 Điều 10 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 - Trung tâm xây dựng kế hoạch và thực hiện giảm vật liệu cháy trên diện tích rừng có nguy cơ cháy cao nhằm khắc phục và hạn chế sự cháy lan giúp giảm thiệt hại khi có cháy rừng xảy ra, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ con người trong quá trình tiếp cận hiện trường và tham gia cứu chữa cháy rừng đạt hiệu quả hơn.

8	Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng 7% trên tổng kinh phí bảo vệ rừng hàng năm	113.531.000	113.531.000	113.531.000	113.531.000	113.531.000	113.531.000	
Tổng		11.114.581.000	11.553.497.000	11.553.497.000	11.553.497.000	11.553.497.000	11.465.713.800	

Biểu 02. Diện tích, đơn giá khoán bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng giai đoạn 2026-2030
của Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội
(Kèm theo Phụ lục số 02)

STT	Nội dung	2026		2027		2028		2029		2030	
		PH	ĐD	PH	ĐD	PH	ĐD	PH	ĐD	PH	ĐD
1	Diện tích được giao quản lý	3.374,60	3.497,93	3.374,60	3.497,93	3.374,60	3.497,93	3.374,60	3.497,93	3.374,60	3.497,93
2	Diện tích khoán bảo vệ rừng (ha)	2.721,00	3.347,30	2.993,10	3.347,30	2.993,10	3.347,30	2.993,10	3.347,30	2.993,10	3.347,30
3	Đơn giá (đồng)	1.386.000	1.296.000	1.386.000	1.296.000	1.386.000	1.296.000	1.386.000	1.296.000	1.386.000	1.296.000
Kinh phí từng loại rừng		3.771.306.000	4.338.100.000	4.148.436.000	4.338.100.000	4.148.436.000	4.338.100.000	4.148.436.000	4.338.100.000	4.148.436.000	4.338.100.000
Tổng kinh phí		8.109.406.000		8.486.536.000		8.486.536.000		8.486.536.000		8.486.536.000	

